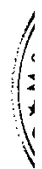


**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về Doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	10



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

### Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Số 4103002362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2004 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất số 0300584564 ngày 24 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Hòa	Chủ tịch
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên
Ông Lê Tuấn	Thành viên
Ông Võ Văn Thọ	Thành viên
Ông Trần Lê Hoa	Thành viên

### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Kiến Quốc	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên
Ông Lý Minh Hoàng	Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Thọ	Tổng Giám đốc (kiêm Giám đốc Kinh doanh)
Ông Hoàng Quang Dũng	Giám đốc điều hành sản xuất (kiêm Giám đốc Cung ứng Kho vận)
Bà Nguyễn Thúy Phượng	Giám đốc Tài chính

### Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Đức Hòa	Chủ tịch
Ông Võ Văn Thọ	Tổng Giám đốc

### Trụ sở chính

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

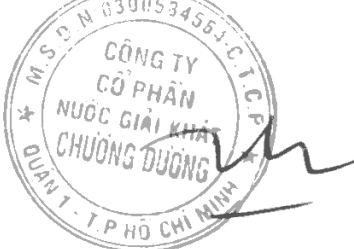
- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 33. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Võ Văn Thọ  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 29 tháng 3 năm 2018



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) được lập vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 33.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

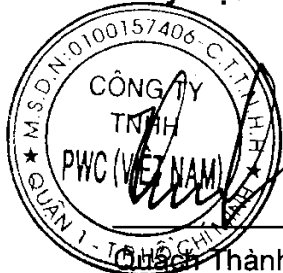
### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.15 của báo cáo tài chính cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng ("CMKTVN 18"). Nếu Công ty áp dụng CMKTVN 18 nói trên, ước tính khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần phải lập là 10.112.162.500 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.253.768.493 đồng Việt Nam) và lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng một khoản tương ứng.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2016 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 2 tháng 3 năm 2017.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Ông Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0875-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

  
Lương Thị Ánh Tuyết  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3048-2017-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6954  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2017 VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>192.288.057.739</b>	<b>242.516.249.560</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>62.944.437.528</b>	<b>58.778.051.271</b>
111	Tiền		42.944.437.528	38.778.051.271
112	Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	20.000.000.000
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>45.000.000.000</b>	<b>92.000.000.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	45.000.000.000	92.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>58.892.937.520</b>	<b>76.642.832.767</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	58.279.909.057	74.635.321.862
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		207.129.495	362.493.976
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	805.489.180	1.755.116.937
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(399.590.212)	(110.100.008)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>24.290.216.889</b>	<b>14.749.245.481</b>
141	Hàng tồn kho		25.079.900.316	15.526.529.556
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(789.683.427)	(777.284.075)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.160.465.802</b>	<b>346.120.041</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		414.681.666	346.120.041
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(a)	745.784.136	-

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

<b>Mã số</b>	<b>TÀI SẢN (tiếp theo)</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại ngày 31.12.2017 VND</b>	<b>Tại ngày 31.12.2016 VND</b>
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>47.734.270.417</b>	<b>52.098.852.626</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>11.169.481.044</b>	<b>14.414.150.304</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	11.128.314.379	14.295.862.472
222	Nguyên giá		58.674.510.400	58.320.874.036
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(47.546.196.021)	(44.025.011.564)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	41.166.665	118.287.832
228	Nguyên giá		1.300.192.426	1.300.192.426
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.259.025.761)	(1.181.904.594)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		<b>23.808.760.680</b>	<b>23.808.760.680</b>
231	Nguyên giá	9	23.808.760.680	23.808.760.680
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>597.880.913</b>	<b>378.847.205</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		597.880.913	378.847.205
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>6.500.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	6.500.000.000	6.500.000.000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.658.147.780</b>	<b>6.997.094.437</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	702.538.637	2.027.733.533
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28	750.573.535	222.212.867
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		4.205.035.608	4.747.148.037
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>240.022.328.156</b>	<b>294.615.102.186</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2017 VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>54.351.114.876</b>	<b>81.900.153.681</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>53.631.114.876</b>	<b>81.280.153.681</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	25.008.062.084	39.297.153.531
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		329.883.387	342.456.562
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	1.536.860.344	11.465.588.542
314	Phải trả người lao động	13	2.416.611.853	8.205.672.404
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	23.218.493.835	18.733.468.475
319	Phải trả ngắn hạn khác	15(a)	1.129.417.152	1.066.031.703
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	(8.213.779)	2.169.782.464
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>720.000.000</b>	<b>620.000.000</b>
337	Phải trả dài hạn khác	15(b)	720.000.000	620.000.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>185.671.213.280</b>	<b>212.714.948.505</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>185.671.213.280</b>	<b>212.714.948.505</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	85.000.000.000	85.000.000.000
415	Cổ phiếu quỹ	18	(347.276.838)	(347.276.838)
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	104.057.535.579	104.057.535.579
421	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	(3.039.045.461)	24.004.689.764
421a	- (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối của các năm trước	18	-	-
421b	- (Lỗ)/LNST năm nay	18	(3.039.045.461)	24.004.689.764
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>240.022.328.156</b>	<b>294.615.102.186</b>

Bùi Thị Kim Chi  
Người lập

Phan Thành Nam  
Kế toán trưởng





Võ Văn Thọ  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2018


Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
01	Doanh thu bán hàng	356.853.086.102	449.372.715.733
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(29.555.488.703)	(32.366.745.276)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	21 327.297.597.399	417.005.970.457
11	Giá vốn hàng bán	22 (252.708.169.775)	(293.231.679.856)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	74.589.427.624	123.774.290.601
21	Doanh thu hoạt động tài chính	23 6.604.156.228	6.866.527.878
22	Chi phí tài chính	24 (248.221.597)	(60.467.832)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(225.555.556)	-
25	Chi phí bán hàng	25 (48.601.039.081)	(58.218.851.250)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 (35.541.302.256)	(35.438.093.162)
30	(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.196.979.082)	36.923.406.235
31	Thu nhập khác	466.371.020	4.265.975.480
32	Chi phí khác	(521.395)	(3.306.105.226)
40	Lợi nhuận khác	465.849.625	959.870.254
50	Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.731.129.457)	37.883.276.489
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27 (836.276.672)	(7.877.414.283)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28 528.360.668	-
60	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN	(3.039.045.461)	30.005.862.206
70	(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	20(a) (690)	2.927
71	(Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu	20(b) (690)	2.927

  
Bùi Thị Kim Chi  
Người lập

  
Phan Thành Nam  
Kế toán trưởng

  
Võ Văn Thọ  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(2.731.129.457)</b>	<b>37.883.276.489</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	3.598.305.624	3.849.810.218
03	Các khoản dự phòng	301.889.556	777.284.075
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(6.600.661.246)	(8.257.728.678)
06	Chi phí lãi vay	225.555.556	-
08	<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(5.206.039.967)</b>	<b>34.252.642.104</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	16.170.870.907	(10.859.087.618)
10	Tăng hàng tồn kho	(9.011.258.331)	(1.632.788.523)
11	Giảm các khoản phải trả	(21.240.064.390)	(1.386.195.052)
12	Giảm các chi phí trả trước	1.256.633.271	4.133.260
14	Tiền lãi vay đã trả	(225.555.556)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4.970.988.343)	(9.288.934.576)
17	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(4.988.586.008)	(5.957.628.303)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(28.214.988.417)</b>	<b>5.132.141.292</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(572.670.072)	(639.900.000)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.411.348.328
23	Chi để gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	(263.800.000.000)	(369.900.000.000)
24	Thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	310.800.000.000	407.900.000.000
27	Lãi tiền gửi nhận được, cổ tức được chia	7.144.411.246	6.846.819.588
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>53.571.741.174</b>	<b>45.618.267.916</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	20.000.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay ngắn hạn	(20.000.000.000)	-
36	Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	(21.190.366.500)	(12.716.460.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(21.190.366.500)</b>	<b>(12.716.460.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>4.166.386.257</b>	<b>38.933.949.208</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 58.778.051.271	20.744.102.063
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 62.944.437.528	58.778.051.271

Bùi Thị Kim Chi  
Người lập

Phan Thành Nam  
Kế toán trưởng

Võ Văn Thọ  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2018



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Công ty được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4103002362 đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất số 0300584564 ngày 24 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 71/2006/GCNCP-CNTTLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống (không hoạt động tại khu dân cư tập trung), sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống, kinh doanh nhà, môi giới bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 413 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 429 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.7 Đầu tư****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 19
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 8
Dụng cụ quản lý	3 - 7
Phần mềm máy tính	3 - 10
Nhãn hiệu hàng hóa	10

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.9 Thuê tài sản cố định**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 Bất động sản đầu tư**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

*Khấu hao*

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Tổn thất bất động sản đầu tư chờ tăng giá được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy. Tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là bao bì, chai kết, công cụ, dụng cụ sản xuất đã đưa vào sử dụng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Theo hướng dẫn của Cục Tài chính Doanh nghiệp trực thuộc Bộ Tài chính ngày 12/12/2013 tại Công văn số 16709/BTC-TCND ngày 3 tháng 12 năm 2013 và Công văn số 16222/BTC-TCND ngày 3 tháng 11 năm 2015, Công ty không cần phải trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động theo quy định của Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Khi người lao động nghỉ việc, Công ty sẽ ghi nhận chi phí trợ cấp thôi việc khi chi trả khoản trợ cấp này.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.16 Vốn cổ phần**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ: là cổ phiếu do công ty phát hành và được mua lại bởi chính công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lỗ lũy kế: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.17 Phân chia lợi nhuận thuần**

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ cho việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.

**2.18 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(c) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.20 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.21 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí đi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.22 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm chủ yếu bao gồm các chi phí quảng cáo, chi phí lương, chi phí vận chuyển, chi phí hỗ trợ bán hàng, chi phí bao bì chai kết, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...) và chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.25 Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

**2.26 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.27 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2017 VND	2016 VND
Tiền mặt	12.777.468	143.460.273
Tiền gửi ngân hàng	42.931.660.060	38.634.590.998
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
	<u>62.944.437.528</u>	<u>58.778.051.271</u>

(\*) Bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 4,8%/năm.

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>45.000.000.000</u>	<u>45.000.000.000</u>	<u>92.000.000.000</u>	<u>92.000.000.000</u>

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	<u>6.500.000.000</u>	-	<u>6.500.000.000</u>	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này vì đây là khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Bên thứ ba	58.279.909.057	74.635.321.862

Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hiếu Huy	21.045.106.568	16.376.647.082
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Quốc Thắng	6.920.348.076	5.038.472.618
Công ty TNHH Thương mại Khuê Minh	8.667.195.014	-

**6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Lãi tiền gửi	481.416.667	1.025.166.667
Tạm ứng cho nhân viên	138.493.760	211.414.600
Ký quỹ, ký cược	31.000.000	339.621.544
Các khoản khác	154.578.753	178.914.126
	<u>805.489.180</u>	<u>1.755.116.937</u>

**7 HÀNG TỒN KHO**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Nguyên vật liệu	9.868.511.270	10.575.402.122
Công cụ, dụng cụ	35.097.792	124.651.870
Thành phẩm	15.176.291.254	4.826.475.564
	<u>25.079.900.316</u>	<u>15.526.529.556</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(789.683.427)	(777.284.075)
	<u>24.290.216.889</u>	<u>14.749.245.481</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

**Mẫu số B 09 – DN**

**8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.960.750.637	39.439.159.807	10.422.795.592	498.168.000	<b>58.320.874.036</b>
Mua trong năm	-	353.636.364	-	-	<b>353.636.364</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>7.960.750.637</u>	<u>39.792.796.171</u>	<u>10.422.795.592</u>	<u>498.168.000</u>	<b><u>58.674.510.400</u></b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.393.280.511	33.135.173.850	6.101.645.805	394.911.398	<b>44.025.011.564</b>
Khấu hao trong năm	534.046.642	1.777.129.337	1.174.982.832	35.025.646	<b>3.521.184.457</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>4.927.327.153</u>	<u>34.912.303.187</u>	<u>7.276.628.637</u>	<u>429.937.044</u>	<b><u>47.546.196.021</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	<u>3.567.470.126</u>	<u>6.303.985.957</u>	<u>4.321.149.787</u>	<u>103.256.602</u>	<b><u>14.295.862.472</u></b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>3.033.423.484</u>	<u>4.880.492.984</u>	<u>3.146.166.955</u>	<u>68.230.956</u>	<b><u>11.128.314.379</u></b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 34.329.191.164 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 33.865.691.164 đồng Việt Nam).



**8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017	104.000.000	1.196.192.426	<b>1.300.192.426</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	49.833.335	1.132.071.259	<b>1.181.904.594</b>
Khấu hao trong năm	13.000.000	64.121.167	<b>77.121.167</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	62.833.335	1.196.192.426	<b>1.259.025.761</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	54.166.665	64.121.167	<b>118.287.832</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	41.166.665	-	<b>41.166.665</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.196.192.426 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 247.888.400 đồng Việt Nam).

**9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất thuê tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương và Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá để chuyển nhượng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, dựa trên các trao đổi với các đối tác tiềm năng, Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính.

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Bao bì luân chuyển	365.558.333	2.027.733.533
Khác	336.980.304	-
	<u>702.538.637</u>	<u>2.027.733.533</u>

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.027.733.533	5.795.096.523
Tăng trong năm	391.771.091	3.324.350.400
Phân bổ trong năm	(1.716.965.987)	(7.091.713.390)
Số dư cuối năm	<u>702.538.637</u>	<u>2.027.733.533</u>

**11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba	<u>25.008.062.084</u>	<u>39.297.153.531</u>

Chi tiết nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng số phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Baosteel Việt Nam	12.566.185.879	20.280.057.793
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Minh	<u>5.520.506.250</u>	<u>9.926.385.000</u>



**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

**(a) Thuế phải thu**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	647.766.791	-
Thuế thu nhập cá nhân	98.017.345	-
	<u>745.784.136</u>	<u>-</u>

**(b) Thuế phải nộp**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	3.486.944.880
Thuế giá trị gia tăng	1.361.315.848	2.722.936.356
Thuế thu nhập cá nhân	-	160.865.626
Thuế nhà đất	159.235.776	5.093.374.960
Thuế khác	16.308.720	1.466.720
	<u>1.536.860.344</u>	<u>11.465.588.542</u>

(\*) Biến động thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm như sau:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Số dư đầu năm	3.486.944.880	4.898.465.173
Tăng trong năm	836.276.672	7.877.414.283
Trả trong năm	(4.970.988.343)	(9.288.934.576)
Số dư cuối năm	<u>(647.766.791)</u>	<u>3.486.944.880</u>

**13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư thể hiện khoản tiền lương tháng 12 năm 2017 chưa trả cho nhân viên.

**14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí hỗ trợ bán hàng, quảng cáo	18.549.018.370	12.542.129.039
Chi phí vận chuyển	3.264.318.942	4.181.798.290
Chi phí thuê	799.744.000	785.664.000
Chi phí phải trả khác	605.412.523	1.223.877.146
	<u>23.218.493.835</u>	<u>18.733.468.475</u>

**15 PHẢI TRẢ KHÁC**

**(a) Ngắn hạn**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	647.634.000	590.388.800
Cổ tức phải trả	243.821.949	240.088.450
Khác	237.961.203	235.554.453
	<u>1.129.417.152</u>	<u>1.066.031.703</u>

**(b) Dài hạn**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>720.000.000</u>	<u>620.000.000</u>

**16 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

Biến động quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Số dư đầu năm	2.169.782.464	2.931.974.734
Trích trong năm (Thuyết minh 18)	2.810.589.765	5.195.436.033
Sử dụng trong năm	(4.988.586.008)	(5.957.628.303)
Số dư cuối năm	<u>(8.213.779)</u>	<u>2.169.782.464</u>

**17 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(22.360)	(22.360)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>8.477.640</u>	<u>8.477.640</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>2017</b>		<b>2016</b>	
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	5.261.500	62	5.261.500	62
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Mạo hiểm	855.040	10	1.060.000	13
Pyn Fun Management Limited	479.220	6	490.330	6
Các cổ đông khác	1.881.880	22	1.665.810	19
	<u>8.477.640</u>	<u>100</u>	<u>8.477.640</u>	<u>100</u>

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	<b>VND</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>85.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

Mẫu số B 09 – DN

**18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư, phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối /(lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	85.000.000.000	(347.276.838)	95.110.162.913	20.858.096.257	<b>200.620.982.332</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	30.005.862.206	<b>30.005.862.206</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.947.372.666	(8.947.372.666)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(5.195.436.033)	<b>(5.195.436.033)</b>
Chia cổ tức	-	-	-	(12.716.460.000)	<b>(12.716.460.000)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	85.000.000.000	(347.276.838)	104.057.535.579	24.004.689.764	<b>212.714.948.505</b>
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(3.039.045.461)	<b>(3.039.045.461)</b>
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(2.810.589.765)	<b>(2.810.589.765)</b>
Chia cổ tức	-	-	-	(21.194.099.999)	<b>(21.194.099.999)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	85.000.000.000	(347.276.838)	104.057.535.579	(3.039.045.461)	<b>185.671.213.280</b>

Công ty thực hiện chia cổ tức cho năm 2016 với số tiền là 21.194.099.999 đồng Việt Nam theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông năm 2017 đề ngày 25 tháng 5 năm 2017.

**19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	2017 VND	2016 VND
<b>Tài sản nhận giữ hộ</b>		
Hàng hoá nhận giữ hộ (VND)	43.247.001.293	83.088.399.273
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ	1.084	1.087
Đồng Euro	499	499

**Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang cho năm tài chính kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 32.241.927.500 đồng Việt Nam và 42.464.353.240 đồng Việt Nam (Thuyết minh 32).

**20 (LỖ)/LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

**(a) (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu**

(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số (lỗ)/lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2017	2016
(Lỗ)/lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	(3.039.045.461)	30.005.862.206
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	(2.810.589.765)	(5.195.436.033)
	<u>(5.849.635.226)</u>	<u>24.810.426.173</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>8.477.640</u>	<u>8.477.640</u>
(Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>(690)</u>	<u>2.927</u>

**(b) (Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu**

(Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm ẩn năm có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó (lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**21 DOANH THU**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	356.853.086.102	449.372.715.733
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(29.555.488.703)	(32.227.783.976)
Hàng bán bị trả lại	-	(138.961.300)
	<u>(29.555.488.703)</u>	<u>(32.366.745.276)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu về bán thành phẩm	<u>327.297.597.399</u>	<u>417.005.970.457</u>

**22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	252.695.770.423	292.454.395.781
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.399.352	777.284.075
	<u>252.708.169.775</u>	<u>293.231.679.856</u>

**23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	5.495.661.246	6.521.819.588
Cổ tức nhận được	1.105.000.000	325.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.494.982	19.708.290
	<u>6.604.156.228</u>	<u>6.866.527.878</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

**Mẫu số B 09 – DN**

**24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	225.555.556	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.666.041	60.467.832
	<u>248.221.597</u>	<u>60.467.832</u>

**25 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương	13.776.197.606	14.715.433.305
Chi phí quảng cáo	11.299.935.127	18.009.707.155
Chi phí vận chuyển	9.087.822.000	10.639.069.083
Chi phí hỗ trợ bán hàng	4.838.956.808	742.012.963
Chi phí bao bì, chai kết	1.662.175.200	7.091.713.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	937.659.512	937.659.512
Chi phí thuê	721.657.870	1.407.991.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.882.834	393.666.069
Chi phí khác	5.776.752.124	4.281.598.315
	<u>48.601.039.081</u>	<u>58.218.851.250</u>

**26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê	10.457.335.305	10.374.310.452
Chi phí lương	7.634.463.386	10.347.954.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	905.716.775	1.051.666.804
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	289.490.204	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.727.372.628	4.785.683.459
Chi phí khác	6.526.923.958	8.878.477.874
	<u>35.541.302.256</u>	<u>35.438.093.162</u>



**27 THUẾ**

Số thuế trên (lỗ)/lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% theo qui định của luật thuế hiện hành và được thể hiện như sau:

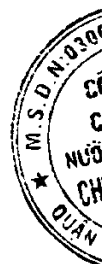
	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.731.129.457)	37.883.276.489
Thuế tính ở thuế suất 20%	(546.225.891)	7.576.655.298
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(221.000.000)	(65.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	260.885.225	311.187.780
Dự phòng thiếu của năm trước	836.276.672	54.571.205
Chênh lệch tạm thời đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	(22.020.002)	-
chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>307.916.004</u>	<u>7.877.414.283</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	836.276.672	7.877.414.283
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	(528.360.668)	-
	<u>307.916.004</u>	<u>7.877.414.283</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**28 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	<u>2.531.703.330</u>	<u>222.212.867</u>





**28 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI (tiếp theo)**

Biến động về thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	222.212.867	222.212.867
Tăng trong năm	528.360.668	-
Số dư cuối năm	<u>750.573.535</u>	<u>222.212.867</u>

**Chi tiết tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	244.232.869	222.212.867
Lỗi tính thuế chưa sử dụng	506.340.666	-
	<u>750.573.535</u>	<u>222.212.867</u>

Các khoản lỗi tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗi. Số lỗi thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗi ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

<b>Năm phát sinh lỗi</b>	<b>Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế</b>	<b>Số lỗi phát sinh VND</b>	<b>Số lỗi tính thuế đã được sử dụng VND</b>	<b>Số lỗi còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND</b>
2017	Chưa quyết toán	<u>2.531.703.330</u>	<u>-</u>	<u>2.531.703.330</u>

**29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	233.948.567.606	282.128.373.388
Chi phí lương	49.891.507.588	56.929.197.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.598.305.624	3.849.810.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.682.908.499	29.063.130.067
Chi phí khác	25.525.524.080	30.168.653.348
	<u>345.646.813.397</u>	<u>402.139.164.217</u>

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn do chiếm 62% cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>i) Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	<u>120.650.998</u>	<u>952.761.829</u>
<b>ii) Trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	<u>13.153.750.000</u>	<u>7.892.250.000</u>
<b>iii) Cổ tức nhận được</b>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Tây Đô	<u>1.105.000.000</u>	<u>325.000.000</u>
<b>iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>3.188.883.958</u>	<u>3.022.225.561</u>

**31 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh nước giải khát chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động sản xuất và kinh doanh nước giải khát là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

**32 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Thuê kho và thuê đất	
	2017 VND	2016 VND
Dưới 1 năm	849.890.000	5.512.113.007
Từ 1 đến 5 năm	3.399.560.000	3.952.110.400
Trên 5 năm	27.992.477.500	33.000.129.833
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>32.241.927.500</b>	<b>42.464.353.240</b>

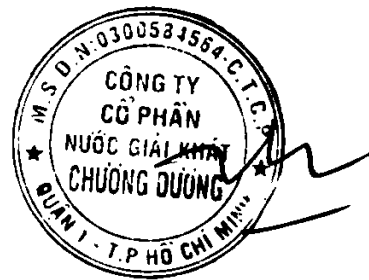
Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2018.



Bùi Thị Kim Chi  
Người lập



Phan Thành Nam  
Kế toán trưởng



Võ Văn Thọ  
Tổng Giám đốc

